

THÔNG TƯ

Quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện

Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 02 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 13/2017/TT-BCT ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện; Thông tư số 30/2014/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 57/2014/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2017;

2. Thông tư số 31/2022/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện.¹

¹ Thông tư số 13/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện; Thông tư số 30/2014/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện hàng năm.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện đấu nối với hệ thống điện quốc gia có tổng công suất lắp đặt trên 30MW, các nhà máy điện có công suất lắp đặt từ 30 MW trở xuống tự nguyện tham gia thị trường điện, trừ các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, các nhà máy điện chạy dầu, các nhà máy điện độc lập được đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), các nhà máy điện sử dụng năng lượng mới tái tạo (gió, địa nhiệt, thủy triều và sinh khối) và các nhà máy điện có cơ chế riêng do Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Thông tư số 57/2014/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,”

Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực;”

1. *Công suất tính* là công suất lắp đặt quy đổi về vị trí đo đếm phục vụ cho việc thanh toán mua bán điện giữa bên bán và bên mua (kW).

2. ² *Nhà máy điện chuẩn* là nhà máy nhiệt điện có quy mô công suất phổ biến được xác định trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đại diện cho một loại nhà máy nhiệt điện có cùng công nghệ phát điện, loại nhiên liệu sử dụng và được sử dụng để tính toán khung giá phát điện cho loại nhà máy điện đó.

3. *Số giờ vận hành công suất cực đại (T_{max})* là số giờ vận hành công suất cực đại trong năm được tính bình quân cho cả đời dự án của Nhà máy điện chuẩn và được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (giờ).

4. ³ *Tổng mức đầu tư* là toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

5.⁴ *(được bãi bỏ)*

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG KHUNG GIÁ PHÁT ĐIỆN

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng khung giá phát điện

1. Khung giá phát điện là dải giá trị từ 0 (không) đến mức giá trần của từng loại hình nhà máy nhiệt điện, nhà máy thủy điện được xây dựng và ban hành hàng năm.

2. ⁵ Đối với nhà máy nhiệt điện: giá trần là giá phát điện của Nhà máy điện chuẩn, phương pháp xác định giá phát điện của Nhà máy điện chuẩn quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này.

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện; Thông tư số 30/2014/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 57/2014/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 02 năm 2021.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19

3. Đối với nhà máy thủy điện: giá trần được xây dựng trên cơ sở giá chi phí tránh được hàng năm theo phương pháp quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 4. ⁶ (được bãi bỏ)

Điều 5. Phương pháp xác định giá phát điện của Nhà máy điện chuẩn

Giá phát điện P^{ND} (đồng/kWh) của Nhà máy điện chuẩn được xác định theo công thức sau:

$$P^{ND} = FC + FOMC + VC$$

Trong đó:

- FC: Giá cố định bình quân của Nhà máy điện chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 6 Thông tư này (đồng/kWh);
- FOMC: Giá vận hành và bảo dưỡng cố định của Nhà máy điện chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 7 Thông tư này (đồng/kWh);
- VC: Giá biến đổi của năm áp dụng khung giá của Nhà máy điện chuẩn được xác định theo phương pháp quy định tại Điều 8 Thông tư này (đồng/kWh).

Giá phát điện của Nhà máy điện chuẩn không bao gồm giá vận chuyển nhiên liệu chính.

Điều 6. Phương pháp xây dựng giá cố định bình quân của Nhà máy điện chuẩn

1. Giá cố định bình quân FC (đồng/kWh) của Nhà máy điện chuẩn là thành phần để thu hồi chi phí đầu tư, được xác định theo công thức sau:

$$FC = \frac{TC_{VĐT}}{A_{bq}}$$

Trong đó:

- TCVĐT: Chi phí vốn đầu tư xây dựng Nhà máy điện chuẩn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) được quy đổi đều hàng năm xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều này (đồng);

tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Abp: Điện năng bình quân năm tại điểm giao nhận xác định theo quy định tại khoản 5 Điều này (kWh).

2. Chi phí vốn đầu tư của Nhà máy điện chuẩn được quy đổi đều hàng năm TC_{VDT} (đồng) theo công thức sau:

$$TC_{VDT} = (SDT \times P_t) \times \frac{(1+i)^n \times i}{(1+i)^n - 1}$$

Trong đó:

SDT: Suất đầu tư của Nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều này (đồng/kW);

Pt: Tổng công suất tính của Nhà máy điện chuẩn (kW);

n: Đời sống kinh tế của Nhà máy điện chuẩn được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này (năm);

i: Tỷ suất chiết khấu tài chính của Nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định tại Khoản 4 Điều này (%).

3.7 Suất đầu tư là chi phí đầu tư cho 01 kW công suất tính bình quân của Nhà máy điện chuẩn (không bao gồm chi phí cảng và cơ sở hạ tầng, các chi phí liên quan đến lưu trữ, tái hóa và vận chuyển LNG từ kho cảng đến nhà máy điện) được tính toán trên cơ sở số liệu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được duyệt, Tổng mức đầu tư có hiệu lực tại thời điểm tính toán khung giá phát điện hoặc số liệu thực tế đàm phán hợp đồng mua bán điện (nếu có), cập nhật tỷ giá ngoại tệ tại thời điểm tính toán.

4. Tỷ suất chiết khấu tài chính i (%) áp dụng chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền danh định trước thuế được xác định theo công thức sau:

$$i = \frac{(D \times r_d + E \times r_e) \times n_D + r_e \times (n - n_D)}{n}$$

Trong đó:

D: Tỷ lệ vốn vay trong tổng mức đầu tư được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%);

E: Tỷ lệ vốn góp chủ sở hữu trong tổng mức đầu tư được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%);

n: Đời sống kinh tế của Nhà máy điện chuẩn được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (năm);

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

n_D : Thời gian trả nợ vay bình quân được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (năm);

r_d : Lãi suất vốn vay được xác định theo quy định tại Điểm a Khoản này (%);

r_e : Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu được xác định theo quy định tại Điểm b Khoản này (%).

a) ⁸ Lãi suất vốn vay r_d (%) được tính bằng lãi suất bình quân gia quyền các nguồn vốn vay nội tệ và ngoại tệ theo công thức sau:

$$r_d = D_F \times r_{d,F} + D_D \times r_{d,D}$$

Trong đó:

D_F : Tỷ lệ vốn vay ngoại tệ trong tổng vốn vay được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%);

D_D : Tỷ lệ vốn vay nội tệ trong tổng vốn vay được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%);

$r_{d,F}$: Lãi suất vốn vay ngoại tệ được xác định trên cơ sở lãi suất vốn vay ngoại tệ các dự án nhà máy điện đã thực hiện đàm phán giá điện của 5 năm trước liền kề thời điểm tính toán khung giá phát điện (%/năm);

$r_{d,D}$: Lãi suất vốn vay nội tệ được xác định trên cơ sở lãi suất vốn vay nội tệ các dự án nhà máy điện đã thực hiện đàm phán giá điện của 5 năm trước liền kề thời điểm tính toán khung giá phát điện (%/năm).

b) Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu r_e (%) được xác định theo công thức sau:

$$r_e = \frac{r_{e,pt}}{(1 - t)}$$

Trong đó:

$r_{e,pt}$: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu là 12%;

t : Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân trong đời sống kinh tế của Nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước (%).

5. ⁹ Điện năng bình quân năm tại điểm giao nhận A_{bq} (kWh) của Nhà máy

⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

điện chuẩn được xác định theo công thức sau:

$$A_{bq} = P_t \times T_{max} \times (1 - k_{CS})$$

Trong đó:

P_t : Tổng công suất tính của Nhà máy điện chuẩn (kW);

T_{max} : Số giờ vận hành công suất cực đại (giờ);

k_{CS} : Tỷ lệ suy giảm công suất được tính bình quân cho toàn bộ đời sống kinh tế của nhà máy điện trên cơ sở các tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo thiết bị trường hợp không xác định được cho phép sử dụng số liệu trung bình của các nhà máy có loại hình công nghệ và công suất lắp đặt tương tự (%).

Điều 7. Phương pháp xây dựng giá vận hành và bảo dưỡng cố định của Nhà máy điện chuẩn

1. Giá vận hành và bảo dưỡng cố định FOMC (đồng/kWh) của Nhà máy điện chuẩn là thành phần để thu hồi chi phí sửa chữa lớn, nhân công và các chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định khác hàng năm, được xác định theo công thức sau:

$$FOMC = \frac{TC_{FOM}}{A_{bq}}$$

Trong đó:

TC_{FOM} : Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định của Nhà máy điện chuẩn, được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều này (đồng);

A_{bq} : Điện năng bình quân năm tại điểm giao nhận của Nhà máy điện chuẩn, được xác định theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Thông tư này (kWh).

2. Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định TC_{FOM} (đồng) của Nhà máy điện chuẩn được xác định theo công thức sau:

$$TC_{FOM} = SDT \times P_t \times k$$

Trong đó:

SDT : Suất đầu tư của Nhà máy điện chuẩn được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này (đồng/kW);

P_t : Tổng công suất tính của Nhà máy điện chuẩn (kW);

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

k: Tỷ lệ chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định trong suất đầu tư của Nhà máy điện chuẩn được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%).

Điều 8. Phương pháp xác định giá biến đổi của Nhà máy điện chuẩn cho năm áp dụng khung giá¹⁰

Giá biến đổi của Nhà máy điện chuẩn cho năm áp dụng khung giá (VC) là thành phần để thu hồi chi phí nhiên liệu, các chi phí biến đổi khác của Nhà máy điện chuẩn với số giờ vận hành công suất cực đại, được xác định theo công thức sau:

$$VC = HR \times P_{nlc} \times (1+f)$$

Trong đó:

VC: Giá biến đổi của Nhà máy điện chuẩn (đồng/kWh);

HR: Suất tiêu hao nhiệt tinh được tính toán ở mức tải quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này, được tính bằng kcal/kWh, kJ/kWh hoặc BTU/kWh;

f: Tỷ lệ phần trăm tổng các chi phí khởi động, chi phí nhiên liệu - vật liệu phụ và các chi phí biến đổi khác cho phát điện so với chi phí nhiên liệu chính và được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%);

P_{nlc} : Giá nhiên liệu chính của Nhà máy điện chuẩn (chưa bao gồm thuế VAT) được tính bằng đồng/kcal, đồng/kJ hoặc đồng/BTU được xác định như sau:

- Đối với nhà máy nhiệt điện than, giá than đã bao gồm hao hụt, phí điều hành, phí quản lý, bảo hiểm (nếu có) và không bao gồm cước vận chuyển. Trường hợp không xác định được cước vận chuyển theo hợp đồng cung cấp nhiên liệu thì giá nhiên liệu chính được xác định bằng giá nhiên liệu trong hợp đồng mua bán nhiên liệu chính;

- Đối với nhà máy tua bin khí chu trình hỗn hợp sử dụng khí tự nhiên, giá nhiên liệu chính là giá khí tại miệng giếng không tính đến chi phí vận chuyển về đến nhà máy;

- Đối với nhà máy tua bin khí chu trình hỗn hợp sử dụng LNG, giá nhiên liệu chính bao gồm giá LNG nhập khẩu, thuế nhập khẩu LNG (nếu có), chi phí vận chuyển LNG về đến kho cảng tái hóa và không

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

bao gồm chi phí tồn trữ, tái hóa, phân phối khí sau tái hóa (nếu có).

Trường hợp nhà máy điện chưa có hợp đồng cung cấp nhiên liệu cho phép sử dụng số liệu tại các văn bản thỏa thuận giữa chủ đầu tư và các đơn vị cung cấp nhiên liệu hoặc số liệu do các tổ chức tư vấn tính toán.

Điều 9. Phương pháp xác định giá trần của nhà máy thủy điện

Giá trần của nhà máy thủy điện P^{TD} (đồng/kWh) được xác định theo công thức sau:

$$P^{TD} = \sum_j (ACT_{bq,j} \times t_j)$$

Trong đó:

$ACT_{bq,j}$: Giá chi phí tránh được trung bình của miền Bắc, miền Trung, miền Nam theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết điện lực công bố hàng năm theo quy định tại Thông tư số 32/2014/TT-BCT ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về trình tự xây dựng, áp dụng Biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ hoặc các văn bản thay thế;

t_j : Tỷ lệ điện năng sản xuất theo mùa và theo giờ trong năm được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này (%).

Chương III

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH KHUNG GIÁ PHÁT ĐIỆN

Điều 10. Trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện¹¹

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của nhà máy điện được duyệt, Chủ đầu tư các nhà máy điện này có trách nhiệm cung cấp Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2. Trước ngày 01 tháng 11 hàng năm, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm:

a) Trên cơ sở các số liệu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được duyệt, Tổng mức đầu tư có hiệu lực tại thời điểm tính toán khung giá phát điện Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhận được trước ngày 15 tháng 10 hàng năm

¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

hoặc số liệu thực tế đàm phán hợp đồng mua bán điện (nếu có), Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính toán hoặc có thể thuê tư vấn tính toán giá phát điện các nhà máy nhiệt điện căn cứ theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này;

b) Đề xuất lựa chọn Nhà máy điện chuẩn, lựa chọn các thông số được sử dụng tính toán giá phát điện cho Nhà máy điện chuẩn quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này phù hợp với thực tế thực hiện các hợp đồng mua bán điện và lập hồ sơ tính toán khung giá phát điện nhà máy điện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này, trình Cục Điều tiết điện lực thẩm định;

c) Tính toán giá trần của nhà máy thủy điện theo phương pháp quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ tính toán khung giá phát điện nêu tại điểm b khoản 2 Điều này, Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trình duyệt. Trường hợp cần thiết, Cục Điều tiết điện lực có văn bản yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam sửa đổi, bổ sung hoặc giải trình làm rõ các nội dung trong hồ sơ. Chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc giải trình làm rõ các nội dung trong hồ sơ của Cục Điều tiết điện lực, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản báo cáo giải trình về nội dung trong hồ sơ theo yêu cầu.

4. Chậm nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và báo cáo giải trình làm rõ các nội dung trong hồ sơ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm lựa chọn nhà máy điện chuẩn và tổ chức thẩm định khung giá phát điện các nhà máy điện do Tập đoàn Điện lực Việt Nam trình.

5. Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định khung giá phát điện, Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá phát điện cho năm tiếp theo và công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Điều tiết điện lực. Trường hợp khung giá phát điện của năm tiếp theo chưa được công bố, cho phép tạm thời áp dụng khung giá phát điện có hiệu lực gần nhất.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị phê duyệt giá phát điện các nhà máy điện để xây dựng khung giá phát điện

Hồ sơ đề nghị phê duyệt giá phát điện các nhà máy điện gồm:

1.¹² Tờ trình của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về lựa chọn thông số của Nhà máy điện chuẩn và tính toán về khung giá phát điện các nhà máy điện quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

¹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19

2. Bảng thông số tính toán giá phát điện cho các nhà máy điện nêu trên theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này và file tính toán giá phát điện của các nhà máy điện này dưới dạng excel.

3. Các tài liệu liên quan đến các thông số tính toán giá phát điện của các nhà máy điện nêu trên.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm thẩm định khung giá phát điện hàng năm và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

2. Hàng năm, trên cơ sở thực tế thực hiện các hợp đồng mua bán điện hoặc ý kiến của các đơn vị phát điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong trường hợp cần thiết, Cục Điều tiết điện lực xây dựng lại bảng các thông số được sử dụng tính toán giá phát điện cho Nhà máy điện chuẩn quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét ban hành trước ngày 01 tháng 10 hàng năm.

Điều 13. Hiệu lực thi hành¹³

tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

¹³ Điều 6 Thông tư số 13/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện; Thông tư số 30/2014/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số 57/2014/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 9 năm 2017, quy định như sau:

“Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2017;

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh về Bộ Công Thương để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.”

Điều 3 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

2. Bãi bỏ Điều 4 Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện.

3. Bãi bỏ Điều 27 Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **03** tháng **02** năm 2015.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định tại Điều 3, 4, 5, 6, 7, 17, 18, Khoản 1 Điều 24, Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 41/2010/TT-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện; trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành khung giá phát điện và phê duyệt hợp đồng mua bán điện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các đơn vị có liên quan phản ánh trực tiếp về Cục Điều tiết điện lực để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Công Thương để giải quyết./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: *12* /VBHN-BCT

Hà Nội, ngày *14* tháng *11* năm 2022

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng Trang thông tin điện tử Bộ Công Thương);
- Vụ Pháp chế (để đăng tải CSDLQG về VBQPPL);
- Lưu: VT, ĐTĐL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Đặng Hoàng An

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, vấn đề mới phát sinh, yêu cầu các đơn vị có liên quan phản ánh về Cục Điều tiết điện lực để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Công Thương giải quyết./.

Phụ lục 1

**CÁC THÔNG SỐ ĐƯỢC SỬ DỤNG TÍNH TOÁN GIÁ PHÁT ĐIỆN NHÀ
MÁY ĐIỆN CHUẨN VÀ GIÁ TRẦN CỦA NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

**I. Thông số sử dụng trong tính toán giá phát điện của nhà máy điện
chuẩn**

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Thông số
I	Đời sống kinh tế (năm)		
1	Nhà máy nhiệt điện than	n	30 năm
2	Nhà máy tuabin khí chu trình hỗn hợp	n	25 năm
II	Tỷ lệ chi phí vận hành, bảo dưỡng cố định trong suất đầu tư (%)		
1	Nhà máy nhiệt điện than	k	3,2%
2	Nhà máy tuabin khí chu trình hỗn hợp	k	5%
III	Tỷ lệ các nguồn vốn trong tổng vốn đầu tư của Nhà máy điện chuẩn (%)		
1	Tỷ lệ vốn vay	D	70%
2	Tỷ lệ vốn góp chủ sở hữu	E	30%
IV	Tỷ lệ các nguồn vốn vay trong tổng vốn vay đầu tư của Nhà máy điện chuẩn (%)		
1	Tỷ lệ vốn vay ngoại tệ	D _F	80%
2	Tỷ lệ vốn vay nội tệ	D _D	20%
V	Thời gian trả nợ bình quân (năm)	n _D	10 năm
VI	Hệ số f (%)		
1	Nhà máy nhiệt điện than	f	5%
2	Nhà máy tuabin khí chu trình hỗn hợp	f	3,2%
VII	Số giờ vận hành công suất cực đại (giờ)		
1	Nhà máy nhiệt điện than	T _{max}	6.500 giờ
2	Nhà máy tuabin khí chu trình hỗn hợp	T _{max}	6.000 giờ
VIII	Biên lãi suất vốn vay (%/năm)		
1	Biên lãi suất vốn vay ngoại tệ		3%/năm
2	Biên lãi suất vốn vay nội tệ		3,5%/năm

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Thông số
IX	Mức tải của Nhà máy điện chuẩn (%)		85%

II. Thông số được sử dụng trong tính toán giá trần của nhà máy thủy điện

Tỷ lệ điện năng sản xuất theo mùa và theo giờ trong năm (%) được quy định như sau:

	Mùa khô			Mùa mưa		
	Cao điểm	Bình thường	Thấp điểm	Cao điểm	Bình thường	Thấp điểm
Tỷ lệ điện năng sản xuất (%)	20%	23%	7%	10%	29%	11%

Số giờ cao điểm, bình thường, thấp điểm được quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện hoặc các văn bản thay thế.

Phụ lục 2

BẢNG THÔNG SỐ CHÍNH CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN CHUẨN (Ban hành kèm theo Thông tư số: 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Nội dung	Ký hiệu	Đơn vị tính
I	Chi phí vốn đầu tư xây dựng được quy đổi đều hàng năm	$TC_{VĐT}$	đồng
1	Suất đầu tư nhà máy điện chuẩn	SĐT	đồng/kW
2	Tổng công suất tinh nhà máy điện chuẩn	P_t	kW
II	Đời sống kinh tế	N	năm
III	Điện năng bình quân năm tại điểm giao nhận	A_{bq}	kWh
1	Số giờ vận hành công suất cực đại	T_{max}	h
IV	Tỷ suất chiết khấu tài chính	i	%
1	Lãi suất vốn vay ngoại tệ	$r_{d,F}$	%
2	Lãi suất vốn vay nội tệ	$r_{d,D}$	%
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	r_e	%
3.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên phần vốn góp chủ sở hữu	$r_{e,pt}$	%
3.2	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân trong đời sống kinh tế	t	%
A	Giá cố định bình quân	FC	đồng/kWh
1	Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định	TC_{FOM}	đồng
B	Giá vận hành và bảo dưỡng cố định	FOMC	đồng/kWh
1	Suất tiêu hao nhiệt tinh ¹⁴	HR^{14}	kcal/kWh hoặc kJ/kWh hoặc BTU/kWh ¹⁴
2	Giá nhiên liệu chính ¹⁵	P_{ntc}^{15}	đồng/kcal hoặc đồng/kJ hoặc đồng/BTU ¹⁵
C	Giá biến đổi	VC	đồng/kWh
D	Giá phát điện (A+B+C)	P_C	đồng/kWh

¹⁴ Cụm từ này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.

¹⁵ Cụm từ này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2022.